

Bản án số: 202/2026/DS-ST

Ngày: 03/03/2026

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Thị Ngọc Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Kim Hương.

2. Bà Lê Thị Sao.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1500/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: Tầng A tòa nhà S, A P, phường B, Quận A, (nay là phường S) Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: số A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện theo ủy quyền:** Bà Đặng Thị Bích T; Địa chỉ liên hệ: số A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 228629.25 ngày 04/08/2025).

**- Bị đơn:** Ông Phạm Phong P, sinh năm 1997 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1996; Cùng địa chỉ: B L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q do bà Đặng Thị Bích T đại diện trình bày:**

Ngân hàng TMCP Q (V) đã ký với ông Phạm Phong P và bà Nguyễn Thị H các Hợp đồng tín dụng như sau:

### **1. Hợp đồng tín dụng số 5073867.22 ngày 05/09/2022:**

Số tiền giải ngân: 364.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng); Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; Thời hạn vay: 72 tháng, từ ngày 13/09/2022 đến ngày 12/09/2028; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.4%/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 4.1%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng; Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.3%/năm; Trả nợ gốc: Vào ngày 25 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 25/09/2022 mỗi kỳ trả 5.056.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; Trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng; Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

V đã giải ngân cho Ông Phạm Phong P và Bà Phạm Thị H1 theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 5073867(1).22 ký ngày 05/09/2022 với số tiền 364.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

### **2. Hợp đồng tín dụng số 2921331.22 ngày 05/09/2022:**

Số tiền giải ngân: 364.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng); Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; Thời hạn vay: 72 tháng, từ ngày 14/09/2022 đến ngày 13/09/2028; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.4%/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 4.1%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng; Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.3%/năm; Trả nợ gốc: Vào ngày 25 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 25/09/2022 mỗi kỳ trả 5.056.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; Trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng; Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

V đã giải ngân cho Ông Phạm Phong P và Bà Phạm Thị H1 theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 2921331(1).22 ký ngày 05/09/2022 với số tiền 364.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

### **3. Hợp đồng tín dụng số 6601319.22 ngày 12/08/2022:**

Số tiền giải ngân: 364.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng); Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; Thời hạn vay: 72 tháng, từ ngày 25/08/2022 đến ngày 21/08/2028; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.4%/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 4.1%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng; Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.3%/năm; Trả nợ

gốc: Vào ngày 25 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 25/09/2022 mỗi kỳ trả 5.056.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; Trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng; Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

V đã giải ngân cho Ông Phạm Phong P và Bà Phạm Thị H1 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6601319(1).22 ký ngày 12/08/2022 với số tiền 364.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

#### **4. Hợp đồng tín dụng số 5686058.22 ngày 12/08/2022:**

Số tiền giải ngân: 364.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng); Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA; Thời hạn vay: 72 tháng, từ ngày 25/08/2022 đến ngày 24/08/2028; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.4%/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 4.1%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng; Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.3%/năm; Trả nợ gốc: Vào ngày 25 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 25/09/2022 mỗi kỳ trả 5.056.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; Trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng; Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

V đã giải ngân cho Ông Phạm Phong P và Bà Phạm Thị H1 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 5686058(1).22 ký ngày 12/08/2022 với số tiền 364.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Phạm Phong P và Bà Phạm Thị H1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại HĐTD; HĐTC đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 25/05/2024 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Ông Phạm Phong P và Bà Phạm Thị H1 đã trả cho VIB số tiền tổng cộng là 654.782.983 đồng (trong đó: gốc là 404.480.996 đồng, lãi là 250.301.987 đồng).

Tính đến ngày 03/03/2026, Ông Phạm Phong P và Bà Phạm Thị H1 còn nợ số tiền là 1.473.830.418 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn bốn trăm mười tám đồng), bao gồm:

HĐTD	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Tổng
5686058.22	262,880,000	24,545,764	79,941,887	367,367,651
2921331.22	262,880,000	24,662,162	80,731,200	368,273,362

6601319.22	262,879,004	24,635,570	82,320,363	369,834,937
5073867.22	262,880,000	24,545,764	80,928,705	368,354,468
Tổng	1,051,519,004	98,389,260	323,922,155	1,473,830,418

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc Ông Phạm Phong P và Bà Phạm Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q ngay sau khi Bản án có hiệu lực thi hành, số tiền gốc của 04 hợp đồng tín dụng là 1.051.519.004 đồng và nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do bị đơn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

- *Đại diện nguyên đơn trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 03/03/2026 là 1.473.830.418 đồng, theo các Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm khế ước nhận nợ sau:

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5686058(1).22 ngày 12/8/2022 còn nợ số tiền 367.367.651 đồng trong đó: Tiền gốc 262.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.545.764 đồng, tiền lãi quá hạn 79.941.887 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5686058.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5686058(1).22 cùng ngày 12/08/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6601319(1).22 ngày 12/8/2022 còn nợ số tiền 369.834.937 đồng, trong đó: Tiền gốc 262.879.004 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.635.570 đồng, tiền lãi quá hạn 82.320.363 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6601319.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6601319(1).22 cùng ngày 12/08/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5073867(1).22 ngày 05/9/2022 còn nợ số tiền 368.354.468 đồng, trong đó: Tiền gốc 262.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.545.764 đồng, tiền lãi quá hạn 80.928.705 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5073867.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế

ước nhận nợ số 5073867(1).22 cùng ngày 05/9/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2921331(1).22 ngày 05/9/2022 còn nợ số tiền 368.273.362 đồng, trong đó: Tiền gốc 262.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.662.162 đồng, tiền lãi quá hạn 80.731.200 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2921331.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2921331(1).22 cùng ngày 05/9/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

+ Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ trên một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Bị đơn vắng mặt không có lý do.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2024 và các Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bị đơn cư trú tại phường T, Quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi:

Xét, nội dung các Hợp đồng tín dụng số 5686058.22 ngày 12/08/2022, Hợp đồng tín dụng số 6601319.22 ngày 12/08/2022, Hợp đồng tín dụng số 5073867.22 ngày 05/9/2022 và Hợp đồng tín dụng số 2921331.22 ngày 05/09/2022 thể hiện sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 03/03/2026 là 1.473.830.418 đồng là phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận. Số tiền nợ cụ thể như sau:

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5686058(1).22 ngày 12/8/2022 còn nợ số tiền 367.367.651 đồng trong đó: Tiền gốc 262.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.545.764 đồng, tiền lãi quá hạn 79.941.887 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5686058.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5686058(1).22 cùng ngày 12/08/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6601319(1).22 ngày 12/8/2022 còn nợ số tiền 369.834.937 đồng, trong đó: Tiền gốc 262.879.004 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.635.570 đồng, tiền lãi quá hạn 82.320.363 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6601319.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6601319(1).22 cùng ngày 12/08/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5073867(1).22 ngày 05/9/2022 còn nợ số tiền 368.354.468 đồng, trong đó: Tiền gốc 262.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.545.764 đồng, tiền lãi quá hạn 80.928.705 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5073867.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế

ước nhận nợ số 5073867(1).22 cùng ngày 05/9/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2921331(1).22 ngày 05/9/2022 còn nợ số tiền 368.273.362 đồng, trong đó: Tiền gốc 262.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.662.162 đồng, tiền lãi quá hạn 80.731.200 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2921331.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2921331(1).22 cùng ngày 05/9/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.2] *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với các tài sản đảm bảo là xe ô tô biển số 50E-04449 là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7213730.22 ngày 12/08/2022, xe ô tô biển số 50E-04525 là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4802950.22 ngày 05/09/2022, xe ô tô biển số 50E-04543 là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2740579.22 ngày 5/9/2022, xe ô tô biển số 50E-04302 là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2025988.22 ngày 12/8/2022, do nguyên đơn không yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.473.830.418 đồng, do đó, án phí bị đơn phải chịu là 56.214.913 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 23.259.597 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045776 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Thi hành án dân sự Thành phố H.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 385, Điều 401, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc ông Phạm Phong P và bà Phạm Thị H1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền còn nợ tính đến ngày 03/03/2026 là 1.473.830.418 đồng, cụ thể:

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5686058(1).22 ngày 12/8/2022 còn nợ số tiền 367.367.651 đồng trong đó: Tiền gốc 262.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.545.764 đồng, tiền lãi quá hạn 79.941.887 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5686058.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5686058(1).22 cùng ngày 12/08/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6601319(1).22 ngày 12/8/2022 còn nợ số tiền 369.834.937 đồng, trong đó: Tiền gốc 262.879.004 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.635.570 đồng, tiền lãi quá hạn 82.320.363 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6601319.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6601319(1).22 cùng ngày 12/08/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5073867(1).22 ngày 05/9/2022 còn nợ số tiền 368.354.468 đồng, trong đó: Tiền gốc 262.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.545.764 đồng, tiền lãi quá hạn 80.928.705 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5073867.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5073867(1).22 cùng ngày 05/9/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

+ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2921331(1).22 ngày 05/9/2022 còn nợ số tiền 368.273.362 đồng, trong đó: Tiền gốc 262.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.662.162 đồng, tiền lãi quá hạn 80.731.200 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 04/03/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2921331.22 kèm theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế

ước nhận nợ số 2921331(1).22 cùng ngày 05/9/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Phong P và bà Phạm Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.214.913 đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí là 23.259.597 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045776 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 9 - TPHCM
- THADS TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Thị Ngọc Phượng**